

NGHỊ QUYẾT

Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đầu tư công.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước.

Chương II **NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho các đối tượng

quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách Trung ương và địa phương theo phân cấp:

2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách Trung ương và địa phương theo phân cấp.

3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học.

4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước;

7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án

đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

9. Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên;

10. Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh;

b) Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền;

c) Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;

d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

đ) Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Cấp nước, thoát nước;

g) Kho tàng: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, kho dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

h) Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu,

điểm, địa bàn du lịch;

i) Viễn thông: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

k) Bưu chính: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

l) Công nghệ thông tin: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng;

m) Quy hoạch: các nhiệm vụ quy hoạch;

n) Công trình công cộng tại các đô thị;

o) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

12. Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác.

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Điều 4. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn

2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của quốc gia, các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 5 năm, bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách Trung ương và địa phương, bảo đảm ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng...), bảo đảm an ninh nguồn nước.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát

triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương

1. Nguyên tắc phân bổ vốn: thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư công, Điều 4 của Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các bộ, cơ quan trung ương và giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công

nguồn ngân sách trung ương phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công;

b) Cơ cấu phân bổ vốn ngân sách trung ương:

- Dành tối đa không quá 30% để bổ sung có mục tiêu cho địa phương và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực, không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Mức vốn còn lại được phân bổ như sau:

+ Phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương theo ngành, lĩnh vực. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm phân bổ cụ thể cho các chương trình, dự án, bao gồm cả vốn trong nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này;

+ Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, nghĩa vụ thanh toán của ngân sách trung ương, các chính sách khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo chủ trương đầu tư của từng chương trình do Quốc hội quyết định.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho bộ, cơ quan trung ương

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí cụ thể như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; thu hồi vốn ứng trước.

b) Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

2. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đầu tư công theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 8. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương

1. Nguyên tắc phân bổ vốn: thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách trung ương, với việc ưu tiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước;

b) Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công;

d) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được thực hiện như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; thu hồi vốn ứng trước;

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Phân bổ cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực của địa phương trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương (trừ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương;

- Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện: Số đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; vùng cao, hải đảo; biên giới đất liền của từng địa phương;

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí xã ATK thuộc vùng căn cứ kháng chiến (ATK lịch sử);

+ Tiêu chí các xã đảo, xã biên giới đất liền, gồm: các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia;

+ Tiêu chí vùng, gồm: các vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, ...).

Điều 9. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 và các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này.

2. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020.

3. Kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách địa phương từ năm 2022 đến năm 2025 xác định từng năm trên cơ sở tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2021 (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết theo báo cáo của các địa phương).

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Tổ chức và chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 ngoài các quy định tại Nghị quyết này, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 11. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Quy định chi tiết định mức phân bổ đối với từng tiêu chí, các mốc thời gian, cơ quan cung cấp số liệu làm căn cứ để xác định vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong giai đoạn 2021-2025; xác định tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2021.
2. Quy định chi tiết việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2021-2025.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các dự án chưa hoàn thành, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách nhà nước nhưng chưa được bố trí vốn hằng năm để thực hiện, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục bố trí vốn ngân sách nhà nước để hoàn thành theo tiến độ bố trí vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định.
2. Đối với các dự án dự kiến đầu tư nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách nhà nước, trong trường hợp các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương dự kiến tiếp tục bố trí trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị mình thực hiện theo quy định tại Điều 101 của Luật Đầu tư công.
3. Các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025

tùy theo tính chất, mục tiêu của dự án, được sắp xếp vào 13 ngành, lĩnh vực theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 14. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Ngân

PHỤ LỤC

Phân loại ngành, lĩnh vực đối với dự án thuộc các chương trình mục tiêu của giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 973 /2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Ngành, lĩnh vực	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu
1. Quốc phòng	Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng thuộc Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm, Chương trình mục tiêu Công nghiệp quốc phòng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo bảo đảm cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội	Các dự án có mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội thuộc Chương trình mục tiêu bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Các dự án có mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động, Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
4. Khoa học, công nghệ	Các dự án có mục tiêu khoa học công nghệ thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
5. Y tế, dân số và gia đình	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số, Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

Ngành, lĩnh vực	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu
	hàng năm nhưng còn thiếu vốn
6. Văn hóa thông tin	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm nhưng còn thiếu vốn.
7. Bảo vệ môi trường	
7.1. Môi trường	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích, Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm nhưng còn thiếu vốn.
7.2. Tài nguyên	Các dự án có mục tiêu tài nguyên thuộc Chương trình mục tiêu Biển Đông-Hải đảo bảo đảm cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm nhưng còn thiếu vốn.
8. Các hoạt động kinh tế	
8.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Các dự án có mục tiêu nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.2. Công nghiệp	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm nhưng còn thiếu vốn.

Ngành, lĩnh vực	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu
8.3 Khu công nghiệp và khu kinh tế	Các dự án có mục tiêu khu công nghiệp và khu kinh tế thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.4 Thương mại	Các dự án có mục tiêu thương mại thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.5 Du lịch	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.6 Công nghệ thông tin	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
9. Xã hội	Các dự án có mục tiêu xã hội thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
10. Đối với các nhiệm vụ, dự án chuyên tiếp thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng, các dự án chuyên tiếp sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được sắp xếp tương ứng vào các ngành, lĩnh vực nêu trên phù hợp với tính chất, mục tiêu của các nhiệm vụ, dự án, trong đó: vốn đối ứng của dự án chuyên tiếp sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được sắp xếp theo ngành, lĩnh vực sử dụng vốn nước ngoài của dự án.	